

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2021
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn;
Ông Lê Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại: Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị T, sinh năm: 1982, trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Q, có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Ngọc S; sinh năm: 1979, trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Chị T và anh Lưu Ngọc S yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Q, vào ngày 06/4/2007. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng mấy năm trở lại đây thường xảy ra mâu thuẫn với lý do: Anh S ghen tuông vô cớ, hay xúc phạm, chửi bới thậm chí đánh đập chị T. Thôn xóm và gia đình đã nhiều lần can thiệp nhưng anh S không thay đổi, nên chị đã sống ly thân gần một năm qua, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Nay, chị T nhận thấy tình

cảm đã phai nhạt, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên chị T tha thiết xin được ly hôn với anh S để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Lưu Ngọc N, sinh ngày 12/9/2007 và cháu Lưu Ngọc H, sinh ngày 13/4/2009. Chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu H, N và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh S không đồng ý và có nguyện vọng nuôi 01 cháu thì chị T đồng ý giao 01 cháu cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Ngọc S trình bày:

- Về tình cảm: Anh S thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân có phát sinh những mâu thuẫn như trình bày của chị T. Tuy nhiên, anh S nhận thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được nên có nguyện vọng được đoàn tụ với chị T để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Anh S thừa nhận có 02 con chung như chị T trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh S có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Lưu Ngọc H, Lưu Ngọc N và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Thái Thị T: Giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lưu Ngọc H và đồng ý giao cháu Lưu Ngọc N cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Lưu Ngọc S: Giữ nguyên yêu cầu xin đoàn tụ. Về con chung: anh Sơn có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 cháu và giao một cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Thái Thị T đối với anh Lưu Ngọc S. Giao con chung là cháu Lưu Ngọc H, sinh ngày 13/4/2009, cho chị Thái Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung là cháu Lưu Ngọc N, sinh ngày 12/9/2007, cho anh Lưu Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề nghị giải quyết. Về án phí: Chị Thái Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Thái Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Lưu Ngọc S và yêu cầu giao nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Ngọc S đang cư trú tại Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Q. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thái Thị T và anh Lưu Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Q ngày 06/4/2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01). Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh S chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái, nhưng vài năm trở lại đây theo trình bày của chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, lý do: Anh S ghen tuông vô cớ, hay xúc phạm, chửi bới, thậm chí đánh đập chị T.

Tại bản tự khai và các phiên hòa giải, anh S không phủ nhận những xung đột xảy ra trong cuộc sống hôn nhân với chị T như chị T đã trình bày nhưng lại cho rằng những mâu thuẫn đó chưa đến mức trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai hàng xóm, xác minh tại địa phương nơi chị T, anh S cư trú và sinh sống: Kết quả, những năm trở lại đây, quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống của hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gỗ và đã có hành vi dùng vũ lực với nhau, gây ảnh hưởng đến các gia đình xung quanh, chính quyền, đoàn thể đã nhiều lần can thiệp nhưng tình trạng vẫn không thay đổi. Xét thấy, trình bày của chị T là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, thực tế mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh S đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh S là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Lưu Ngọc N, sinh ngày 12/9/2007 và cháu Lưu Ngọc H, sinh ngày 13/4/2009. Cả chị T, anh S đều có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, tuy nhiên chị T, anh S đều là lao động phổ thông ở nông thôn, thu nhập không ổn định, việc xem xét giao cả 02 cháu cho 01 bên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu; điều kiện về kinh tế của mỗi bên là ngang bằng nhau. Mặt khác, các cháu N, H đã trên 07 tuổi, cháu H có nguyện vọng ở với chị T, cháu N có nguyện vọng ở với anh S. Tại phiên tòa, chị T, anh S đồng ý giao cháu N cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, xét thấy: Cần xem xét giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu N cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cũng như quy định tại Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh S, chị T tự thỏa thuận, không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị T, anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí:

Đây là vụ án ly hôn, vì vậy nguyên đơn chị Thái Thị T phải có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị T. Chị Thái Thị T được ly hôn anh Lưu Ngọc S.

[2]. Về con chung:

Giao cháu Lưu Ngọc H, sinh ngày 13/4/2009 cho chị Thái Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lưu Ngọc N, sinh ngày 12/9/2007 cho anh Lưu Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị

T, anh S không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[3]. Về án phí: Chị Thái Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000486 ngày 07 tháng 04 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Chị Thái Thị Thương đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Chị Thái Thị T, anh Lưu Ngọc S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/7/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Viện kiểm sát Vĩnh Linh;
- UBND xã V;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Tòa án tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Hoan

